

Số: 291/QĐ/ĐN-ĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG- CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

Căn cứ Quyết định số 1535/TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đại Nam;

Căn cứ thông tư số 15/2014/TT – BGDDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019 của Trường Đại học Đại Nam đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

Căn cứ vào Quyết định số 291/QĐ/ĐN-ĐT ngày 29/05/2019 về việc duyệt điểm chuẩn tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2019 của Hiệu trưởng – chủ tịch HĐQTS.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận 99 thí sinh trúng tuyển trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế và Tài chính – Ngân hàng, đợt 1, năm 2019 của trường Đại học Đại Nam: (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các đơn vị trực thuộc trường Đại học Đại Nam và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Vụ Đại học & SDH;
- Chủ tịch HĐQT;
- Hiệu trưởng, P.Hiệu trưởng;
- Lưu VP, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG- CHỦ TỊCH HĐQTS

TS. Lương Cao Đông

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KẾT QUẢ THI ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ - KHÓA 7
ĐỢT 1 NĂM 2019
MÔN: TIẾNG ANH

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN TA ĐỌC-VIẾT	ĐIỂM MÔN TA NGHE	ĐIỂM MÔN TA NÓI	TỔNG ĐIỂM TIẾNG ANH
1	QLKT.019	Đỗ Thanh	Hương	25/02/1994	47.00	18.00	18.00	83.00
2	QLKT.031	Trần Thị Minh	Ngọc	16/09/1980	45.00	19.00	17.00	81.00
3	QLKT.040	Lê Quang Bảo	Quốc	06/07/1981	43.00	20.00	18.00	81.00
4	QLKT.045	Nguyễn Minh	Thái	08/03/1988	44.00	20.00	16.00	80.00
5	QLKT.042	Phạm Hoài	Son	23/08/1994	41.00	20.00	18.00	79.00
6	QLKT.055	Trần Sỹ	Tuấn	28/02/1978	43.00	20.00	16.00	79.00
7	QLKT.038	Nguyễn Đăng Minh	Quân	25/07/1989	43.00	20.00	15.00	78.00
8	QLKT.054	Hoàng Minh	Tuấn	01/01/1982	47.00	20.00	10.00	77.00
9	QLKT.039	Ngô Quốc	Quận	29/07/1992	42.00	20.00	15.00	77.00
10	QLKT.050	Lê Hoàng	Thi	26/06/1977	43.00	20.00	14.00	77.00
11	QLKT.036	Lê Long	Phụng	03/06/1976	46.00	20.00	9.00	75.00
12	QLKT.057	Lưu Văn	Tỷ	09/02/1981	47.00	20.00	8.00	75.00
13	QLKT.043	Phạm Ngọc	Son	15/09/1993	45.00	19.00	10.00	74.00
14	QLKT.025	Phạm Minh	Luân	22/03/1984	43.00	17.00	14.00	74.00
15	QLKT.037	Trần Lý Hoàng	Phương	05/03/1984	44.00	20.00	10.00	74.00
16	QLKT.035	Hồ Minh	Phú	23/05/1980	43.00	20.00	10.00	73.00
17	QLKT.021	Trần Kiều	Linh	12/07/1978	46.00	15.00	12.00	73.00
18	QLKT.044	Nguyễn Khánh	Tài	28/02/1978	44.00	19.00	10.00	73.00
19	QLKT.051	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	26/01/1985	41.00	20.00	12.00	73.00
20	QLKT.022	Trần Trúc	Linh	18/07/1993	43.00	17.00	12.00	72.00
21	QLKT.011	Nguyễn Ngọc	Hân	25/05/1991	41.00	17.00	14.00	72.00
22	QLKT.049	Nguyễn Đại	Thắng	04/04/1975	44.00	20.00	8.00	72.00
23	QLKT.024	Nguyễn Ngọc Thúy	Loan	19/09/1987	45.00	16.00	11.00	72.00
24	QLKT.032	Ngô Yên	Nhiên	10/09/1986	44.00	20.00	8.00	72.00
25	QLKT.033	Dương Thị	Nho	22/11/1986	43.00	20.00	9.00	72.00
26	QLKT.047	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/02/1993	42.00	20.00	10.00	72.00
27	QLKT.046	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/09/1982	39.00	20.00	12.00	71.00
28	QLKT.052	Nguyễn Thị Kiều	Trang	22/07/1993	36.00	20.00	15.00	71.00
29	QLKT.029	Phạm Văn	Mười	10/10/1980	44.00	16.00	11.00	71.00
30	QLKT.056	Trương Anh	Tuấn	08/08/1988	43.00	20.00	8.00	71.00

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN TA ĐỌC-VIẾT	ĐIỂM MÔN TA NGHE	ĐIỂM MÔN TA NÓI	TỔNG ĐIỂM TIẾNG ANH
31	QLKT.034	Nguyễn Thanh	Nhuồng	01/07/1976	42.00	20.00	8.00	70.00
32	QLKT.001	Huỳnh Nam	Anh	19/01/1980	49.00	12.00	8.00	69.00
33	QLKT.030	Lê Văn	Nghĩa	09/04/1987	40.00	14.00	15.00	69.00
34	QLKT.041	Đỗ Ngọc	Quyền	04/04/1995	40.00	20.00	8.00	68.00
35	QLKT.008	Hoàng Thu	Hà	03/03/1995	39.00	12.00	17.00	68.00
36	QLKT.015	Nguyễn Thúy	Hồng	23/08/1977	42.00	13.00	12.00	67.00
37	QLKT.020	Nguyễn Tuấn	Linh	10/09/1990	40.00	15.00	12.00	67.00
38	QLKT.018	Nguyễn Tuấn	Huy	01/12/1991	41.00	14.00	12.00	67.00
39	QLKT.006	Nguyễn Thị Hồng	Đào	11/12/1981	42.00	11.00	13.00	66.00
40	QLKT.027	Tô Trọng	Minh	24/05/1984	38.00	16.00	12.00	66.00
41	QLKT.026	Nguyễn Thị Diễm	Mi	1992	39.00	17.00	10.00	66.00
42	QLKT.053	Huỳnh Hữu	Trọng	10/03/1986	38.00	20.00	8.00	66.00
43	QLKT.058	Trần Thị Hải	Yến	29/05/1975	34.00	20.00	12.00	66.00
44	QLKT.002	Nguyễn Văn	Bắc	29/09/1984	44.00	13.00	8.00	65.00
45	QLKT.010	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/07/1989	40.00	13.00	12.00	65.00
46	QLKT.017	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/01/1989	43.00	12.00	10.00	65.00
47	QLKT.048	Huỳnh Ngọc	Thắm	05/10/1976	37.00	20.00	8.00	65.00
48	QLKT.013	Trịnh Minh	Hằng	18/10/1981	44.00	12.00	8.00	64.00
49	QLKT.023	Nguyễn Hoàng	Lĩnh	28/02/1973	38.00	16.00	10.00	64.00
50	QLKT.007	Nguyễn Văn	Độ	24/06/1969	36.00	12.00	15.00	63.00
51	QLKT.012	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/09/1983	41.00	11.00	11.00	63.00
52	QLKT.005	Lê Thanh	Đạm	13/12/1982	41.00	12.00	9.00	62.00
53	QLKT.016	Nguyễn Thị Minh	Huệ	28/12/1987	39.00	11.00	11.00	61.00
54	QLKT.014	Trần Thế	Hiền	12/12/1972	41.00	12.00	8.00	61.00
55	QLKT.028	Lâm Thanh	Mộng	12/05/1983	37.00	15.00	8.00	60.00
56	QLKT.004	Trần Khánh	Dương	07/09/1984	38.00	11.00	8.00	57.00
57	QLKT.009	Hà Thanh	Hải	01/04/1977	35.00	12.00	10.00	57.00
58	QLKT.003	Lê Hoàng	Dũng	25/04/1985	35.00	13.00	8.00	56.00

Ấn định danh sách có 58 thí sinh.

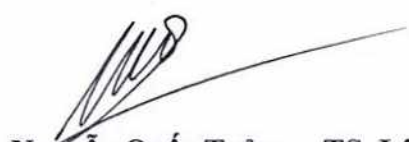
Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG THƯ KÝ

TRƯỞNG BAN CHẤM

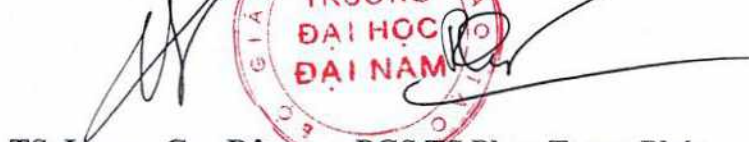
P. CHỦ TỊCH HẾTS



Nguyễn Quốc Toàn



TS. Lê Thị Thanh Hương



TS. Lương Cao Đông



PGS.TS Phan Trọng Phúc

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KẾT QUẢ THI ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ KHÓA 7
ĐỢT 1 NĂM 2019

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	QLKT.013	Trịnh Minh	Hằng	18/10/1981	7.50	8.00	15.50	
2	QLKT.022	Trần Trúc	Linh	18/07/1993	7.50	8.00	15.50	
3	QLKT.031	Trần Thị Minh	Ngọc	16/09/1980	8.50	7.00	15.50	
4	QLKT.036	Lê Long	Phụng	03/06/1976	8.50	7.00	15.50	
5	QLKT.002	Nguyễn Văn	Bắc	29/09/1984	7.00	8.00	15.00	
6	QLKT.003	Lê Hoàng	Dũng	25/04/1985	7.50	7.50	15.00	
7	QLKT.011	Nguyễn Ngọc	Hân	25/05/1991	7.00	8.00	15.00	
8	QLKT.015	Nguyễn Thúy	Hồng	23/08/1977	7.00	8.00	15.00	
9	QLKT.035	Hồ Minh	Phú	23/05/1980	8.00	7.00	15.00	
10	QLKT.040	Lê Quang Bảo	Quốc	06/07/1981	8.00	7.00	15.00	
11	QLKT.041	Đỗ Ngọc	Quyền	04/04/1995	8.00	7.00	15.00	
12	QLKT.006	Nguyễn Thị Hồng	Đào	11/12/1981	7.00	7.50	14.50	
13	QLKT.007	Nguyễn Văn	Độ	24/06/1969	7.50	7.00	14.50	
14	QLKT.012	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/09/1983	6.50	8.00	14.50	
15	QLKT.016	Nguyễn Thị Minh	Huệ	28/12/1987	7.50	7.00	14.50	
16	QLKT.020	Nguyễn Tuấn	Linh	10/09/1990	7.00	7.50	14.50	
17	QLKT.027	Tô Trọng	Minh	24/05/1984	7.50	7.00	14.50	
18	QLKT.034	Nguyễn Thanh	Nhường	01/07/1976	8.50	6.00	14.50	
19	QLKT.038	Nguyễn Đặng Minh	Quân	25/07/1989	7.50	7.00	14.50	
20	QLKT.043	Phạm Ngọc	Son	15/09/1993	7.50	7.00	14.50	
21	QLKT.001	Huỳnh Nam	Anh	19/01/1980	7.00	7.00	14.00	
22	QLKT.010	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/07/1989	7.00	7.00	14.00	
23	QLKT.017	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/01/1989	7.00	7.00	14.00	
24	QLKT.018	Nguyễn Tuấn	Huy	01/12/1991	7.00	7.00	14.00	
25	QLKT.025	Phạm Minh	Luân	22/03/1984	7.00	7.00	14.00	
26	QLKT.030	Lê Văn	Nghĩa	09/04/1987	6.50	7.50	14.00	
27	QLKT.037	Trần Lý Hoàng	Phương	05/03/1984	7.00	7.00	14.00	
28	QLKT.045	Nguyễn Minh	Thái	08/03/1988	7.00	7.00	14.00	
29	QLKT.046	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/09/1982	7.00	7.00	14.00	
30	QLKT.052	Nguyễn Thị Kiều	Trang	22/07/1993	6.00	8.00	14.00	

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
31	QLKT.054	Hoàng Minh	Tuấn	01/01/1982	6.00	8.00	14.00	
32	QLKT.004	Trần Khánh	Dương	07/09/1984	6.50	7.00	13.50	
33	QLKT.009	Hà Thanh	Hải	01/04/1977	6.50	7.00	13.50	
34	QLKT.023	Nguyễn Hoàng	Lĩnh	28/02/1973	6.50	7.00	13.50	
35	QLKT.039	Ngô Quốc	Quận	29/07/1992	7.50	6.00	13.50	
36	QLKT.042	Phạm Hoài	Son	23/08/1994	6.50	7.00	13.50	
37	QLKT.049	Nguyễn Đại	Thắng	04/04/1975	6.50	7.00	13.50	
38	QLKT.005	Lê Thanh	Đạm	13/12/1982	7.00	6.00	13.00	
39	QLKT.008	Hoàng Thu	Hà	03/03/1995	7.00	6.00	13.00	
40	QLKT.021	Trần Kiều	Linh	12/07/1978	7.00	6.00	13.00	
41	QLKT.024	Nguyễn Ngọc Thúy	Loan	19/09/1987	6.50	6.50	13.00	
42	QLKT.026	Nguyễn Thị Diễm	Mi	1992	6.00	7.00	13.00	
43	QLKT.029	Phạm Văn	Mười	10/10/1980	6.00	7.00	13.00	
44	QLKT.032	Ngô Yên	Nhiên	10/09/1986	7.00	6.00	13.00	
45	QLKT.033	Dương Thị	Nho	22/11/1986	7.00	6.00	13.00	
46	QLKT.048	Huỳnh Ngọc	Thắm	05/10/1976	7.00	6.00	13.00	
47	QLKT.050	Lê Hoàng	Thi	26/06/1977	6.00	7.00	13.00	
48	QLKT.053	Huỳnh Hữu	Trọng	10/03/1986	7.00	6.00	13.00	
49	QLKT.014	Trần Thế	Hiền	12/12/1972	5.50	7.00	12.50	
50	QLKT.019	Đỗ Thanh	Hương	25/02/1994	6.50	6.00	12.50	
51	QLKT.044	Nguyễn Khánh	Tài	28/02/1978	6.50	6.00	12.50	
52	QLKT.047	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/02/1993	7.00	5.50	12.50	
53	QLKT.028	Lâm Thanh	Mộng	12/05/1983	6.00	6.00	12.00	
54	QLKT.051	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	26/01/1985	7.00	5.00	12.00	
55	QLKT.057	Lưu Văn	Tỷ	09/02/1981	6.00	6.00	12.00	
56	QLKT.058	Trần Thị Hải	Yến	29/05/1975	6.00	6.00	12.00	
57	QLKT.056	Trương Anh	Tuấn	08/08/1988	6.50	5.00	11.50	
58	QLKT.055	Trần Sỹ	Tuấn	28/02/1978	5.50	5.00	10.50	

Ấn định danh sách có 58 thí sinh.

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG THƯ KÝ

TRƯỞNG BAN CHẤM

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2019

P. CHỦ TỊCH HĐTS

Nguyễn Quốc Toàn

TS. Lê Thị Thanh Hương

TS. Lương Cao Đông

PGS.TS Phan Trọng Phúc

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KẾT QUẢ THI ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG KHÓA 7
ĐỢT 1 NĂM 2019

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	TCNH.085	Nguyễn Thị	Ngọc	17/05/1980	7.00	7.50	14.50	
2	TCNH.102	Nguyễn Thị	Anh	08/03/1984	7.50	7.00	14.50	
3	TCNH.060	Phạm Trọng	Chung	19/07/1982	7.50	6.50	14.00	
4	TCNH.081	Đặng Thị Thanh	Long	22/12/1984	7.00	7.00	14.00	
5	TCNH.064	Lê Huy	Đạt	21/03/1992	7.00	6.50	13.50	
6	TCNH.067	Lê Thu	Hà	13/12/1985	7.00	6.50	13.50	
7	TCNH.070	Nguyễn Thị Phương	Hào	07/09/1986	7.00	6.50	13.50	
8	TCNH.075	Phạm Minh	Hùng	23/01/1980	7.00	6.50	13.50	
9	TCNH.076	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/09/1983	7.00	6.50	13.50	
10	TCNH.079	Phạm Thị	Liễu	05/03/1986	7.00	6.50	13.50	
11	TCNH.080	Nguyễn Thị Diệu	Linh	19/08/1990	7.00	6.50	13.50	
12	TCNH.094	Võ Thị Phương	Thảo	20/09/1995	7.00	6.50	13.50	
13	TCNH.095	Nguyễn Minh	Thu	13/09/1989	7.00	6.50	13.50	
14	TCNH.061	Nguyễn Thành	Công	16/09/1986	6.50	6.50	13.00	
15	TCNH.065	Trần Nguyên	Đạt	17/04/1985	7.00	6.00	13.00	
16	TCNH.066	Nguyễn Đình	Giáp	07/05/1983	7.00	6.00	13.00	
17	TCNH.068	Nguyễn Thanh	Hải	24/06/1981	6.50	6.50	13.00	
18	TCNH.069	Nguyễn Thị	Hạnh	10/09/1987	7.00	6.00	13.00	
19	TCNH.074	Nguyễn Thị	Hoài	05/08/1982	7.00	6.00	13.00	
20	TCNH.077	Nguyễn Thu	Hường	27/02/1984	6.50	6.50	13.00	
21	TCNH.078	Lê Thị Hoa	Lê	11/01/1981	6.50	6.50	13.00	
22	TCNH.082	Trần Hậu	Long	13/03/1977	6.50	6.50	13.00	
23	TCNH.089	Hồ Thị Hoa	Phượng	16/10/1990	6.50	6.50	13.00	
24	TCNH.096	Nguyễn Phương	Thúy	20/02/1986	7.00	6.00	13.00	
25	TCNH.097	Võ Hữu	Trà	24/02/1986	7.00	6.00	13.00	
26	TCNH.099	Trương Quang	Trung	30/05/1981	7.50	5.50	13.00	
27	TCNH.101	Đặng Thị Nguyệt	Yến	10/06/1982	6.50	6.50	13.00	
28	TCNH.063	Trần Ngọc	Dũng	16/07/1979	7.00	5.50	12.50	
29	TCNH.072	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1988	7.00	5.50	12.50	

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
30	TCNH.083	Hoàng Thị	Minh	05/04/1983	7.00	5.50	12.50	
31	TCNH.086	Trần Thị Minh	Nhân	06/10/1990	6.50	6.00	12.50	
32	TCNH.087	Võ Thị	Nhi	17/09/1987	6.50	6.00	12.50	
33	TCNH.090	Bùi Thị	Quý	21/11/1983	6.50	6.00	12.50	
34	TCNH.093	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	11/06/1992	6.50	6.00	12.50	
35	TCNH.098	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/02/1990	6.00	6.50	12.50	
36	TCNH.100	Võ Mạnh	Tuấn	16/06/1984	7.00	5.50	12.50	
37	TCNH.062	Nguyễn Tiến	Dũng	25/10/1989	6.50	5.50	12.00	
38	TCNH.088	Nguyễn Danh	Phú	11/09/1993	6.50	5.50	12.00	
39	TCNH.092	Đỗ Thị Kim	Thanh	06/07/1976	6.50	5.50	12.00	
40	TCNH.091	Trần Xuân	Son	24/09/1995	5.50	6.00	11.50	
41	TCNH.084	Bùi Thị Thu	Nga	18/10/1985	5.50	5.50	11.00	
42	TCNH.071	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/04/1987	—	—	—	Bỏ thi
43	TCNH.073	Lại Thị Thanh	Hoài	10/12/1984	—	—	—	Bỏ thi
44	TCNH.059	Nguyễn Văn	Anh	01/08/1990	—	—	—	Bỏ thi

Ấn định danh sách có 44 thí sinh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỜNG THƯ KÝ

TRƯỜNG BAN CHẤM

P. CHỦ TỊCH HĐTS

Nguyễn Quốc Toàn

TS. Lê Thị Thanh Hương

TS. Lương Cao Đông

PGS.TS Phan Trọng Phúc

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KẾT QUẢ THI ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG KHÓA 7
ĐỢT 1 NĂM 2019
MÔN: TIẾNG ANH

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN TA ĐỌC-VIẾT	ĐIỂM MÔN TA NGHE	ĐIỂM MÔN TA NÓI	TỔNG ĐIỂM TIẾNG ANH
1	TCNH.088	Nguyễn Danh	Phú	11/09/1993	52.00	18.00	15.00	85.00
2	TCNH.083	Hoàng Thị	Minh	05/04/1983	50.00	18.00	16.00	84.00
3	TCNH.079	Phạm Thị	Liễu	05/03/1986	51.00	19.00	13.00	83.00
4	TCNH.084	Bùi Thị Thu	Nga	18/10/1985	53.00	18.00	12.00	83.00
5	TCNH.093	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	11/06/1992	50.00	18.00	13.00	81.00
6	TCNH.085	Nguyễn Thị	Ngọc	17/05/1980	50.00	18.00	12.00	80.00
7	TCNH.081	Đặng Thị Thanh	Long	22/12/1984	48.00	18.00	14.00	80.00
8	TCNH.061	Nguyễn Thành	Công	16/09/1986	48.00	20.00	12.00	80.00
9	TCNH.074	Nguyễn Thị	Hoài	05/08/1982	50.00	20.00	10.00	80.00
10	TCNH.087	Võ Thị	Nhi	17/09/1987	52.00	18.00	10.00	80.00
11	TCNH.092	Đỗ Thị Kim	Thanh	06/07/1976	52.00	18.00	10.00	80.00
12	TCNH.070	Nguyễn Thị Phương	Hào	07/09/1986	51.00	18.00	10.00	79.00
13	TCNH.080	Nguyễn Thị Diệu	Linh	19/08/1990	52.00	18.00	9.00	79.00
14	TCNH.065	Trần Nguyên	Đạt	17/04/1985	48.00	19.00	12.00	79.00
15	TCNH.066	Nguyễn Đình	Giáp	07/05/1983	50.00	19.00	10.00	79.00
16	TCNH.078	Lê Thị Hoa	Lê	11/01/1981	50.00	20.00	9.00	79.00
17	TCNH.060	Phạm Trọng	Chung	19/07/1982	44.00	19.00	15.00	78.00
18	TCNH.077	Nguyễn Thu	Hường	27/02/1984	49.00	19.00	10.00	78.00
19	TCNH.102	Nguyễn Thị	Anh	08/03/1984	44.00	19.00	14.00	77.00
20	TCNH.067	Lê Thu	Hà	13/12/1985	49.00	18.00	10.00	77.00
21	TCNH.068	Nguyễn Thanh	Hải	24/06/1981	48.00	19.00	10.00	77.00
22	TCNH.072	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1988	47.00	19.00	11.00	77.00
23	TCNH.098	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/02/1990	43.00	20.00	14.00	77.00
24	TCNH.062	Nguyễn Tiến	Dũng	25/10/1989	49.00	20.00	8.00	77.00
25	TCNH.075	Phạm Minh	Hùng	23/01/1980	46.00	20.00	10.00	76.00
26	TCNH.069	Nguyễn Thị	Hạnh	10/09/1987	46.00	19.00	11.00	76.00
27	TCNH.063	Trần Ngọc	Dũng	16/07/1979	48.00	20.00	8.00	76.00
28	TCNH.086	Trần Thị Minh	Nhàn	06/10/1990	49.00	18.00	9.00	76.00
29	TCNH.082	Trần Hậu	Long	13/03/1977	48.00	18.00	9.00	75.00

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN TA ĐỌC-VIẾT	ĐIỂM MÔN TA NGHE	ĐIỂM MÔN TA NÓI	TỔNG ĐIỂM TIẾNG ANH
30	TCNH.090	Bùi Thị	Quý	21/11/1983	48.00	14.00	12.00	74.00
31	TCNH.076	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/09/1983	44.00	18.00	11.00	73.00
32	TCNH.101	Đặng Thị Nguyệt	Yến	10/06/1982	45.00	20.00	8.00	73.00
33	TCNH.096	Nguyễn Phương	Thúy	20/02/1986	45.00	18.00	8.00	71.00
34	TCNH.097	Võ Hữu	Trà	24/02/1986	43.00	18.00	10.00	71.00
35	TCNH.091	Trần Xuân	Son	24/09/1995	40.00	14.00	17.00	71.00
36	TCNH.095	Nguyễn Minh	Thu	13/09/1989	37.00	18.00	10.00	65.00
37	TCNH.099	Trương Quang	Trung	30/05/1981	38.00	19.00	8.00	65.00
38	TCNH.100	Võ Mạnh	Tuấn	16/06/1984	33.00	18.00	10.00	61.00
39	TCNH.064	Lê Huy	Đạt	21/03/1992	38.00	12.00	9.00	59.00
40	TCNH.094	Võ Thị Phương	Thảo	20/09/1995				Miễn
41	TCNH.089	Hồ Thị Hoa	Phượng	16/10/1990				Miễn
42	TCNH.071	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/04/1987				Bỏ thi
43	TCNH.073	Lại Thị Thanh	Hoài	10/12/1984				Bỏ thi
44	TCNH.059	Nguyễn Văn	Anh	01/08/1990				Bỏ thi

Ấn định danh sách có 44 thí sinh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỜNG THƯ KÝ

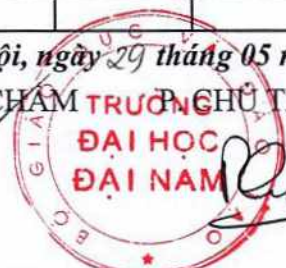
TRƯỜNG BAN CHẤM P. CHỦ TỊCH HĐTS


Nguyễn Quốc Toàn


TS. Lê Thị Thanh Hương


TS. Lương Cao Đông


PGS.TS Phan Trọng Phức



HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ ĐỢT 1 - KHÓA 7
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	QLKT.013	Trịnh Minh	Hằng	18/10/1981	7.50	8.00	15.50	
2	QLKT.022	Trần Trúc	Linh	18/07/1993	7.50	8.00	15.50	
3	QLKT.031	Trần Thị Minh	Ngọc	16/09/1980	8.50	7.00	15.50	
4	QLKT.036	Lê Long	Phụng	03/06/1976	8.50	7.00	15.50	
5	QLKT.002	Nguyễn Văn	Bắc	29/09/1984	7.00	8.00	15.00	
6	QLKT.003	Lê Hoàng	Dũng	25/04/1985	7.50	7.50	15.00	
7	QLKT.011	Nguyễn Ngọc	Hân	25/05/1991	7.00	8.00	15.00	
8	QLKT.015	Nguyễn Thúy	Hồng	23/08/1977	7.00	8.00	15.00	
9	QLKT.035	Hồ Minh	Phú	23/05/1980	8.00	7.00	15.00	
10	QLKT.040	Lê Quang Bảo	Quốc	06/07/1981	8.00	7.00	15.00	
11	QLKT.041	Đỗ Ngọc	Quyền	04/04/1995	8.00	7.00	15.00	
12	QLKT.006	Nguyễn Thị Hồng	Đào	11/12/1981	7.00	7.50	14.50	
13	QLKT.007	Nguyễn Văn	Độ	24/06/1969	7.50	7.00	14.50	
14	QLKT.012	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/09/1983	6.50	8.00	14.50	
15	QLKT.016	Nguyễn Thị Minh	Huệ	28/12/1987	7.50	7.00	14.50	
16	QLKT.020	Nguyễn Tuấn	Linh	10/09/1990	7.00	7.50	14.50	
17	QLKT.027	Tô Trọng	Minh	24/05/1984	7.50	7.00	14.50	
18	QLKT.034	Nguyễn Thanh	Nhường	01/07/1976	8.50	6.00	14.50	
19	QLKT.038	Nguyễn Đăng Minh	Quân	25/07/1989	7.50	7.00	14.50	
20	QLKT.043	Phạm Ngọc	Son	15/09/1993	7.50	7.00	14.50	
21	QLKT.001	Huỳnh Nam	Anh	19/01/1980	7.00	7.00	14.00	
22	QLKT.010	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/07/1989	7.00	7.00	14.00	
23	QLKT.017	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/01/1989	7.00	7.00	14.00	
24	QLKT.018	Nguyễn Tuấn	Huy	01/12/1991	7.00	7.00	14.00	
25	QLKT.025	Phạm Minh	Luân	22/03/1984	7.00	7.00	14.00	
26	QLKT.030	Lê Văn	Nghĩa	09/04/1987	6.50	7.50	14.00	
27	QLKT.037	Trần Lý Hoàng	Phương	05/03/1984	7.00	7.00	14.00	
28	QLKT.045	Nguyễn Minh	Thái	08/03/1988	7.00	7.00	14.00	
29	QLKT.046	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/09/1982	7.00	7.00	14.00	
30	QLKT.052	Nguyễn Thị Kiều	Trang	22/07/1993	6.00	8.00	14.00	

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
31	QLKT.054	Hoàng Minh	Tuấn	01/01/1982	6.00	8.00	14.00	
32	QLKT.004	Trần Khánh	Dương	07/09/1984	6.50	7.00	13.50	
33	QLKT.009	Hà Thanh	Hải	01/04/1977	6.50	7.00	13.50	
34	QLKT.023	Nguyễn Hoàng	Lĩnh	28/02/1973	6.50	7.00	13.50	
35	QLKT.039	Ngô Quốc	Quận	29/07/1992	7.50	6.00	13.50	
36	QLKT.042	Phạm Hoài	Son	23/08/1994	6.50	7.00	13.50	
37	QLKT.049	Nguyễn Đại	Thắng	04/04/1975	6.50	7.00	13.50	
38	QLKT.005	Lê Thanh	Đạm	13/12/1982	7.00	6.00	13.00	
39	QLKT.008	Hoàng Thu	Hà	03/03/1995	7.00	6.00	13.00	
40	QLKT.021	Trần Kiều	Linh	12/07/1978	7.00	6.00	13.00	
41	QLKT.024	Nguyễn Ngọc Thúy	Loan	19/09/1987	6.50	6.50	13.00	
42	QLKT.026	Nguyễn Thị Diễm	Mi	1992	6.00	7.00	13.00	
43	QLKT.029	Phạm Văn	Mười	10/10/1980	6.00	7.00	13.00	
44	QLKT.032	Ngô Yến	Nhiên	10/09/1986	7.00	6.00	13.00	
45	QLKT.033	Dương Thị	Nho	22/11/1986	7.00	6.00	13.00	
46	QLKT.048	Huỳnh Ngọc	Thắm	05/10/1976	7.00	6.00	13.00	
47	QLKT.050	Lê Hoàng	Thi	26/06/1977	6.00	7.00	13.00	
48	QLKT.053	Huỳnh Hữu	Trọng	10/03/1986	7.00	6.00	13.00	
49	QLKT.014	Trần Thế	Hiển	12/12/1972	5.50	7.00	12.50	
50	QLKT.019	Đỗ Thanh	Hương	25/02/1994	6.50	6.00	12.50	
51	QLKT.044	Nguyễn Khánh	Tài	28/02/1978	6.50	6.00	12.50	
52	QLKT.047	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/02/1993	7.00	5.50	12.50	
53	QLKT.028	Lâm Thanh	Mộng	12/05/1983	6.00	6.00	12.00	
54	QLKT.051	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	26/01/1985	7.00	5.00	12.00	
55	QLKT.057	Lưu Văn	Tỷ	09/02/1981	6.00	6.00	12.00	
56	QLKT.058	Trần Thị Hải	Yến	29/05/1975	6.00	6.00	12.00	
57	QLKT.056	Trương Anh	Tuấn	08/08/1988	6.50	5.00	11.50	
58	QLKT.055	Trần Sỹ	Tuấn	28/02/1978	5.50	5.00	10.50	

Ấn định danh sách có 58 thí sinh.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG THƯ KÝ

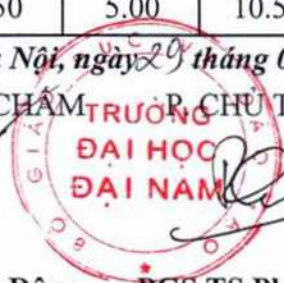
TRƯỞNG BAN CHẤM P. CHỦ TỊCH HĐTS


Nguyễn Quốc Toàn


TS. Lê Thị Thanh Hương


TS. Lương Cao Đông


PGS.TS Phan Trọng Phúc



HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KẾT QUẢ THI ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG KHÓA 7 ĐỢT
1 NĂM 2019

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	TCNH.085	Nguyễn Thị	Ngọc	17/05/1980	7.00	7.50	14.50	
2	TCNH.102	Nguyễn Thị	Anh	08/03/1984	7.50	7.00	14.50	
3	TCNH.060	Phạm Trọng	Chung	19/07/1982	7.50	6.50	14.00	
4	TCNH.081	Đặng Thị Thanh	Long	22/12/1984	7.00	7.00	14.00	
5	TCNH.064	Lê Huy	Đạt	21/03/1992	7.00	6.50	13.50	
6	TCNH.067	Lê Thu	Hà	13/12/1985	7.00	6.50	13.50	
7	TCNH.070	Nguyễn Thị Phương	Hào	07/09/1986	7.00	6.50	13.50	
8	TCNH.075	Phạm Minh	Hùng	23/01/1980	7.00	6.50	13.50	
9	TCNH.076	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/09/1983	7.00	6.50	13.50	
10	TCNH.079	Phạm Thị	Liễu	05/03/1986	7.00	6.50	13.50	
11	TCNH.080	Nguyễn Thị Diệu	Linh	19/08/1990	7.00	6.50	13.50	
12	TCNH.094	Võ Thị Phương	Thảo	20/09/1995	7.00	6.50	13.50	
13	TCNH.095	Nguyễn Minh	Thu	13/09/1989	7.00	6.50	13.50	
14	TCNH.061	Nguyễn Thành	Công	16/09/1986	6.50	6.50	13.00	
15	TCNH.065	Trần Nguyên	Đạt	17/04/1985	7.00	6.00	13.00	
16	TCNH.066	Nguyễn Đình	Giáp	07/05/1983	7.00	6.00	13.00	
17	TCNH.068	Nguyễn Thanh	Hải	24/06/1981	6.50	6.50	13.00	
18	TCNH.069	Nguyễn Thị	Hạnh	10/09/1987	7.00	6.00	13.00	
19	TCNH.074	Nguyễn Thị	Hoài	05/08/1982	7.00	6.00	13.00	
20	TCNH.077	Nguyễn Thu	Hường	27/02/1984	6.50	6.50	13.00	
21	TCNH.078	Lê Thị Hoa	Lê	11/01/1981	6.50	6.50	13.00	
22	TCNH.082	Trần Hậu	Long	13/03/1977	6.50	6.50	13.00	
23	TCNH.089	Hồ Thị Hoa	Phượng	16/10/1990	6.50	6.50	13.00	
24	TCNH.096	Nguyễn Phương	Thúy	20/02/1986	7.00	6.00	13.00	
25	TCNH.097	Võ Hữu	Trà	24/02/1986	7.00	6.00	13.00	
26	TCNH.099	Trương Quang	Trung	30/05/1981	7.50	5.50	13.00	
27	TCNH.101	Đặng Thị Nguyệt	Yến	10/06/1982	6.50	6.50	13.00	
28	TCNH.063	Trần Ngọc	Dũng	16/07/1979	7.00	5.50	12.50	
29	TCNH.072	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1988	7.00	5.50	12.50	

TT	SBD	HỌ TÊN ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM MÔN CƠ BẢN	ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
30	TCNH.083	Hoàng Thị	Minh	05/04/1983	7.00	5.50	12.50	
31	TCNH.086	Trần Thị Minh	Nhân	06/10/1990	6.50	6.00	12.50	
32	TCNH.087	Võ Thị	Nhi	17/09/1987	6.50	6.00	12.50	
33	TCNH.090	Bùi Thị	Quý	21/11/1983	6.50	6.00	12.50	
34	TCNH.093	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	11/06/1992	6.50	6.00	12.50	
35	TCNH.098	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/02/1990	6.00	6.50	12.50	
36	TCNH.100	Võ Mạnh	Tuấn	16/06/1984	7.00	5.50	12.50	
37	TCNH.062	Nguyễn Tiến	Dũng	25/10/1989	6.50	5.50	12.00	
38	TCNH.088	Nguyễn Danh	Phú	11/09/1993	6.50	5.50	12.00	
39	TCNH.092	Đỗ Thị Kim	Thanh	06/07/1976	6.50	5.50	12.00	
40	TCNH.091	Trần Xuân	Sơn	24/09/1995	5.50	6.00	11.50	
41	TCNH.084	Bùi Thị Thu	Nga	18/10/1985	5.50	5.50	11.00	

Ấn định danh sách có 41 thí sinh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỜNG THƯ KÝ

TRƯỜNG BAN CHẤM

P. CHỦ TỊCH HĐTS

Nguyễn Quốc Toàn

TS. Lê Thị Thanh Hương

TS. Lương Cao Đông

PGS.TS Phan Trọng Phúc